

居家照護技巧 暨聘僱法令

宣導手冊

中.英.越.印語版





1

第一單元：移動的照護

Wheelchair Transfer

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ KHI DI CHUYỂN

Perawatan memindahkan pasien ke kursi roda

- 從床上移動到輪椅 8
Transfer from bed to the wheelchair
Di chuyển từ giường ra xe lăn
Pindah dari ranjang ke kursi roda
- 從輪椅移動到車上 10
Transfer into the car
Di chuyển từ xe lăn lên xe
Pindah dari kursi roda ke mobil

2

第二單元：飲食的照護

Nutrition

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TRONG ĂN UỐNG

Perawatan Makanan

- 飲食五大原則 16
5 principles of elderly nutrition
5 nguyên tắc trong ăn uống của người lớn tuổi
Lima prinsip perawatan makanan

- 營養照顧三點 17
3 principles in nutrition care
Ba điểm chính chăm sóc dinh dưỡng
Tiga prinsip perawatan gizi
- 其他妙招 20
Other tips
Tuyệt chiêu khác
Tips lainnya
- 口腔暖身運動 24
Oral exercises
Luyện nhép khoang miệng
Olahraga pemanasan oral

3 第三單元：排泄的照護
Bladder and Bowel Health
CHĂM SÓC SỨC KHOẺ - HỖ TRỢ BÀI TIẾT
Perawatan pembuangan ampas tubuh

- 拍痰注意事項 28
Reminders for CPT
Những điều cần chú ý trong việc vỗ rung long đờm
Catatan menepuk dahak
- 使用成人紙尿褲 36
Change adult diapers
Cách sử dụng tã quần của người lớn
Ganti popok dewasa

4

第四單元：潔身的照護

Personal Hygiene

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ - VỆ SINH SẠCH SẼ

Perawatan Kebersihan Badan

- 在床上洗頭 42
Wash hair in bed
Gội đầu trên giường
Cuci rambut di tempat tidur
- 在床上清潔手腳 49
Clean hands and feet in bed
Làm sạch tay chân trên giường
Membersihkan tangan dan kaki di tempat tidur

5

第五單元：居家健康管理

Home Health Care Management

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TẠI NHÀ

Manajemen Kesehatan Rumah

- 發燒的照護 58
Fever care
Chăm sóc khi bị sốt
Perawatan demam
- 皮膚的照護 64
Skin care
Chăm sóc da
Perawatan kulit

6 第六單元：緊急情況的知識與對策
Emergency Care and Response
TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP VÀ BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT
Cara mengatasi dan pengetahuan darurat

- 意外跌倒 72
Accidental fall
Tai nạn té ngã
Jatuh secara tidak sengaja
- 抽筋的處理 78
Cramping treatment
Xử lý khi bị chuột rút
Perawatan kram
- 預防抽筋 80
Prevent cramps
Đề phòng chứng chuột rút
Mencegah kram

第七單元：正確使用輔具

Correct Use of Assistive Devices

CÁCH SỬ DỤNG DỤNG CỤ HỖ TRỢ ĐÚNG CÁCH

Cara penggunaan alat bantu yang benar

- 正確使用輪椅 84
Use wheelchair
Cách sử dụng xe lăn đúng cách
Cara tepat penggunaan kursi roda
- 正確使用便盆椅 86
Use commode chair
Cách sử dụng ghế bô đúng cách
Cara tepat penggunaan kursi toilet
- 電動床的調整 89
Adjustable bed
Điều chỉnh giường điện
Tempat tidur yang bisa disesuaikan
- 使用助行器及四腳手杖 90
The walker&the quad cane
Sử dụng khung tập đi và gậy bốn chân
Penggunaan alat bantu jalan dan tongkat berkaki empat

第八單元：失智症照護

Dementia Care

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CHO NGƯỜI MẤT TRÍ NHỚ

Perawatan Demensia

- 預防失智症六面向 94
6 approaches to prevent dementia
Ngăn ngừa mất trí nhớ theo sáu cách
Enam pedoman pencegahan demensia
- 失智症照護兩重點 96
2 dimensions of dementia care
Hai điều quan trọng khi chăm sóc người bị mất trí
Dua poin utama perawatan demensia
- 預防走失 97
Prevent loss
Phòng tránh việc đi lạc
Mencegah hilang



第一單元

移動的照護

Wheelchair Transfer

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ KHI DI CHUYỂN

Perawatan memindahkan pasien ke kursi roda

從床上移到輪椅

- 1 椅子和輪椅在人兩邊對放，各45度角。收腳踏板，拉煞車。

Place the chair and wheelchair on either side at 45 angles. Put up the footrests secure the brakes.

Ghế và xe lăn đặt sẵn hai bên cạnh người, mỗi bên góc 45 độ, thu gọn lại bàn để chân, kéo phanh xe.

Letakkan kursi dan kursi roda pada kedua sisi. Masing-masing bersudut 45 derajat. Tegakkan pedal. Tarik remnya.



- 2 人移到床邊，腳緊貼地面。

Seat the patient on the edge of the bed with both feet on the ground.

Di chuyển người đến mép giường, chân bám chặt mặt đất.

Pindahkan pasien ke samping ranjang. Kaki menopak lantai.



3 夾住雙膝，右手穿過左腋下抱住，左手扶右膝窩，頭鑽過爺爺右腋下，讓爺爺身體向前傾。

Bend your knees with your right hand under his left shoulder, left hand under his right knee, head under his right shoulder, tilt his body forward.

Kẹp chặt hai đầu gối, tay phải đưa xuyên qua ôm chặt nách trái ông cụ, tay trái đỡ khuỷu gối phải đầu cúi qua nách phải của ông, thân ông hướng về phía trước.

Jepit kedua lutut. Tangan kanan memeluk dari bawah ketiak kiri. Tangan kiri menopang lutut kanan. Kepala menopang kakek dari bawah ketiak kanan. Biarkan kakek condong ke depan.



4 借助支撐點，順勢移到輪椅上。

Using the pivot point to transfer him into the wheelchair.

Mượn việc ngồi ghế để lấy thế, dễ dàng đưa ông lên xe lăn.

Menggunakan titik dukungan. Pindahkan ke kursi roda.



5 放下腳踏板，腳放上去，鬆開煞車安全舒服出門去。

Put down the footrests, place his feet down, unlock the brakes, and be on your way.

Mở bàn để chân ra, chân để lên, mở phanh xe, thoải mái an toàn đưa ông ra ngoài.

Turunkan pedal kaki. Letakkan kaki di atas pedal. Lepaskan rem dan keluar dengan aman dan nyaman.



從輪椅移到車上

1 把輪椅平行貼近車身。固定好輪椅。

Move the wheelchair close to the car. Lock the brakes.

Xe lăn đặt song song sát với thân xe. Cố định xe lăn.

Kursi roda sejajar dengan badan mobil. Tambatkan kursi roda dengan baik.



2 雙手穿過肩膀下，放在上背部的肩胛上。

Place arms under the shoulders and hands on the shoulder blades.

Hai tay xuyên qua vai và đặt trên bả vai.

Letakkan tangan di atas bahunya dari bawah ketiak.



3 腰背挺直、收腹、膝蓋彎曲、身體與大腿保持垂直。

Back straight, tummy in, knees bent. Keep the body perpendicular with the legs.

Giữ thẳng lưng, hóp bụng, khụy gối, thân trên và đùi duy trì vuông thẳng.

Luruskan punggung dan pinggang, simpan perut Anda dengan menekuk lutut, usahakan tubuh dan paha berada dalam garis vertikal.



4 一腳腳尖指向車，一腳腳尖指向輪椅。

One foot toe pointing toward the car. One foot toe pointing toward the wheelchair.

Một mũi chân hướng về phía xe hơi. Mũi chân kia hướng về phía xe lăn.

Satu ujung kaki menunjuk ke mobil. Satu ujung kaki menunjuk ke kursi roda.



5 轉移重心到車子座位上。

Transfer the center of gravity to the car seat.

Di chuyển trọng tâm lên ghế xe.

Pindahkan berat badan ke kursi mobil.



6 臀部坐好，頭部不要撞到車門邊。

Make sure the patient is fully seated, protect his head.

Phần hông ngồi ngay ngắn, tránh để đầu va đập vào cửa xe.

Atur posisi duduk, hindari kepala terbentur sisi pintu.



7 雙腿放進車廂。

Lift the legs into the car.

Đưa hai chân vào xe.

Letakkan kaki ke dalam mobil.



聘僱法令宣導小叮嚀

外籍勞工在臺工作，與本國國民一樣享有同等的法律保障。如遭意圖性騷擾，或乘人不及抗拒而親吻、擁抱或觸摸其臀部、胸部或其他身體隱私處之行為，可向勞工主管機關（縣市政府勞工或社會局、處）提出申訴。

Friendly legal reminder

Foreign workers in Taiwan are equally protected by law as ROC citizens. Suffered from one's sexual harassment or kissing, hugging, touching the bottom, breast, or other physical private parts when one cannot quickly respond or resist, please report it to the competent labor authority or the department of labor or social welfare of your county or city.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Người lao động nước ngoài làm việc tại Đài Loan, được hưởng quyền bảo vệ luật pháp giống như người dân trong nước. Nếu gặp phải trường hợp có người cố ý quấy rối tình dục, hoặc bị những hành vi không kháng cự được như bị hôn, bị ôm, hoặc bị sờ đùi, sờ ngực hoặc vùng kín khác trên cơ thể. Bạn có thể nộp đơn khiếu nại với cơ quan lao động có thẩm quyền (*lao động chính phủ thành phố hoặc Cục, phòng Xã hội*).

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Pekerja migran yang bekerja di Taiwan. Sama dengan pekerja domestik. Mendapat perlindungan hukum yang sama. Jika terjadi pelecehan seksual yang disengaja. Atau dicium di saat lengah. Dipeluk atau disentuh bagian pantat. Atau payudara dan bagian tubuh privasi lainnya. Boleh menuju instansi ketenagakerjaan bersangkutan (Depnaker atau Biro Sosial pemerintah setempat) Untuk mengajukan pengaduan.



第二單元

飲食的照護

Nutrition

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TRONG ĂN UỐNG

Perawatan Makanan

飲食五大原則

1 細嚼慢嚥

Chew slowly

Nhai kỹ nuốt chậm

Mengunyah dengan perlahan



2 定性定量

Steady quality and quantity

Định tính định lượng

Porsi dan waktu makan yang sama

3 減少醃漬食物

Avoid pickled foods

Giảm ăn thực phẩm ướp muối

Kurangi makanan acar

4 保持良好進食姿勢

Maintain good posture when eating

Duy trì tư thế ăn uống tốt

Jaga gaya makan yang baik

5 餐後保持口腔清潔

Keep your mouth clean after a meal

Giữ miệng sạch sẽ sau bữa ăn

Menjaga kebersihan mulut setelah makan

營養照顧三點

1 吃得下

刺激食慾、色香味俱全。
飯菜做軟爛、方便好咀嚼。

Be able to eat

Stimulate appetite with colorful, fragrant, and flavorful food. Well-cooked dishes are easier to swallow.

Ăn được

Kích thích sự thèm ăn. Đủ sắc, hương, vị.
Cơm và thức ăn nấu mềm nhừ.
Thuận tiện cho việc nhai.

Bisa makan

Merangsang nafsu makan, warna dan wangi makanan yang lengkap.
Nasi dan lauk yang lunak, mudah dikunyah.



2 吃得夠

不要吃太飽。

種類多質量好、營養均衡身體好。

Eat enough

Don't eat too much.

Provide balanced diet with diversity and high-quality food.

Ăn đủ

Không nên ăn quá no.

Đa dạng thực phẩm và chất lượng tốt. Dinh dưỡng cân bằng thì sức khỏe tốt.

Makan yang cukup

Jangan makan terlalu kenyang.

Variasi makanan yang banyak dan kualitas yang baik, gizi yang seimbang baik bagi tubuh.



3 吃得對

太燙生冷都不好。
溫熱食物最適當。
細嚼慢嚥消化好。

Eat well

Not too cold, not too hot.
Warm, heated foods are the best.
Chew thoroughly for easy digestion.

Ăn đúng

Thức ăn quá nóng, hay nguội lạnh quá đều không tốt.
Thức ăn ấm là thích hợp nhất.
Nhai kỹ nuốt chậm sẽ tiêu hóa tốt.

Makan yang benar

Terlalu panas atau dingin tidak baik.
Makanan hangat paling baik.
Mengunyah perlahan bagus untuk pencernaan.



其他妙招

- 1 高血壓以天然新鮮的食物來製作，調味時在食物上面滴一層薄薄的醬汁。



For patients with high blood pressure, prepare meals for the elderly with fresh, natural foods. To add flavor that you can add a few drops of soy sauce on top.

Đối với người bị bệnh cao huyết áp, chúng ta nên dùng các thực phẩm tươi để chế biến thức ăn. Trong việc nêm nếm gia vị, chỉ nên nhỏ một lớp mỏng nước sốt lên thức ăn.

Untuk tekanan darah tinggi gunakan bahan segar alami, pada saat menyiapkannya gunakan cara menuangkan beberapa tetes kecap di atas makanan.

- 2 選擇含鈣質高的食物像牛奶、乳酪、豆干、芝麻糊或小魚乾。



You should choose foods with high calcium such as milk, cheese, bean curd, sesame paste or dried fish.

Lựa chọn những thức ăn có hàm lượng canxi cao như sữa bò, phô mai, đậu hũ khô, mè vừng, hoặc cá khô nhỏ.

Memilih makanan yang mengandung kadar kalsium tinggi, seperti susu, tahu, bubur wijen hitam atau ikan teri.

3 預防肌少症要足夠的蛋白質，像蛋、豆、魚。

To prevent from losing muscle mass, it's important to consume enough protein. Protein-rich foods include eggs, beans, and fish.

Để đề phòng chứng teo cơ phải cung cấp đầy đủ các chất đạm như: trứng, đậu, cá.

Untuk mencegah kekurangan otot, harus cukup asupan protein seperti telur, kacang, ikan.



4 肉類是優質的蛋白質，而且鐵質豐富。以燉湯方式較軟嫩。



We can choose foods like meats which contain high protein and iron-rich and serve them in a braise.

Thịt là loại thức ăn chứa nhiều chất đạm và giàu chất sắt. Dùng cách hầm để cho thịt mềm nhừ hơn.

Daging adalah protein yang baik, juga mempunyai zat besi yang tinggi. Dengan cara kukus bisa lebih lunak.

5 食物製備時切成片，或條狀或切絲來增加攝入，流質的東西要注意濃稠度的調整。



When preparing the food we can cut it into pieces or strips to increase food consumption. Remember, with liquid food we need to check the thickness.

Khi chế biến thức ăn, cắt thành lát hoặc sợi nhỏ để tăng việc hấp thụ, những thức ăn lỏng cần phải điều chỉnh độ đặc.

Pada saat menyiapkan bahan makanan, kita bisa mengiris bahan menjadi lebih tipis, atau bentuk balok kecil atau korek api untuk menambah asupannya, pada makanan cair kekentalan makanan juga harus diperhatikan.

6 避免固態的跟液態的混合一起吃，避免產生噎咳。

Avoid combining foods that include both solid and liquid foods for the elderly, because they create a choking hazard.

Chúng ta cố gắng tránh trộn lẫn thức ăn thể rắn với thức ăn thể lỏng với nhau, vì như vậy rất dễ dẫn đến sặc nghẹn.

Hindari memberikan makanan padat, dan makanan cair secara bersamaan karena mudah menyebabkan tersedak.



口腔暖身運動

- 轉轉頭，再用力抿抿唇、展展唇，將舌頭伸出來、縮回去，往左邊、往右邊。
- Turn your head, purse your lips, stretch your lips, stick out your tongue and put it back, push to the left, push to the right.
- Quay quay cái đầu, ra sức bặm bặm môi, mím mím môi, đưa lưỡi ra, đưa lưỡi vào, đưa sang trái, đưa sang phải.
- Putar kepala, tekan bibir dengan kuat, renggangkan bibir, julurkan lidah, tarik kembali, ke sebelah kiri, ke sebelah kanan.



聘僱法令宣導小叮嚀

外籍勞工個人證件資料應妥善保護，千萬不要輕易將私人資料提供給不認識的陌生人，財物要妥善保管，不要隨意簽署沒有母國譯文或不完全了解內容的任何文件，也不要讓您的雇主擅自從您的薪資中代扣國內外仲介費用。

Friendly legal reminder

Foreign workers should keep their ID safe. Do not give your personal documents to strangers. Keep your belongings in a safe place. Do not sign documents that have not been translated or that you do not understand fully. Do not allow your employer to deduct broker fees from your salary without authorization.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Những giấy tờ cá nhân của người lao động nước ngoài nên bảo quản cẩn thận, tuyệt đối không được dễ dàng đưa cho người lạ những giấy tờ tùy thân của mình. Tài chính phải bảo quản cẩn thận, không được tùy tiện ký vào bất cứ những giấy tờ không được dịch ra tiếng Việt hay hoàn toàn không hiểu nội dung, không cho chủ thuê tự ý trừ phí môi giới trong và ngoài nước từ tiền lương của bạn.

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Dokumen pribadi pekerja migran harus disimpan dengan baik, jangan terlalu mudah memberikan dokumen pribadi kepada orang yang tidak dikenal, barang pribadi harus disimpan dengan baik. Jangan sembarang menandatangani surat yang tidak diterjemahkan dalam bahasa negara sendiri, atau surat yang isinya tidak dimengerti sepenuhnya, juga jangan biarkan majikan Anda memotong gaji Anda untuk membayar biaya agensi dalam negeri maupun agensi luar negeri.



3

第三單元

排泄的照護

Bladder and Bowel Health

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ - HỖ TRỢ BÀI TIẾT

Perawatan pembuangan ampas tubuh

拍痰注意事項

- 可分為蒸氣吸入、姿位引流、以及背部扣擊三部份。
- The steam inhaler has 3 functions: steam inhalation, postural drainage and chest percussion.
- Có thể chia thành 3 bước: Xông hơi mũi họng, dẫn lưu tư thế, khum bàn tay vỗ lưng.
- Dibagi menjadi tiga yaitu inhalasi uap, Postur pengeluaran dahak, Dan penepukan bagian punggung.

1 蒸氣吸入：

要按照醫護人員的指示，如果醫師有開立藥物，要先將藥物加在蒸氣吸入機的小藥杯中，如果醫生沒有開立藥物，那就使用醫囑吸入液，也就是百分之0.45的生理食鹽水。然後接好管路，套好鼻導管或面罩。



Using steam inhalation:

please follow the directions of medical professionals. If there is prescribed medicine, first put the medicine in the special cup. If there is no prescribed medicine, then use the inhalation solution which is 0.45% saline solution. Connect the tubes and secure the nasal cannula or mask.

Xông hơi mũi họng:

Thực hiện theo chỉ định của y bác sĩ. Nếu bác sĩ có cho thuốc kèm theo, trước tiên phải lấy thuốc đổ vào ly đựng thuốc của máy xông. Nếu bác sĩ không cho thuốc kèm theo, thì sử dụng dung dịch xông là nước muối sinh lý 0,45% theo quy định của bác sĩ. Sau đó gắn ống dẫn, đeo ống thông mũi hoặc mặt nạ.

Pada bagian inhalasi uap:

Harus sesuai dengan instruksi staf medis Jika terdapat obat resep dokter, Harus terlebih dahulu, Menambahkan obat pada cangkir kecil, Jika tidak ada resep dokter, Maka gunakan inhalasi uap sesuai pesan dokter, Yaitu Menambahkan air infus 0.45%. Lalu hubungkan selang, Dan atur kanula atau penutup muka.

- 另外還要在臉頰旁墊毛巾，防止水氣留下來。吸蒸汽過程中要鼓勵爺爺深呼吸。

Drape a towel around the face to soak up the dripping water. Remember to encourage Grandpa to breathe deeply during the procedure.

Ngoài ra phải để khăn lông lót dưới hai má để tránh hơi nước chảy xuống. Nhớ là trong quá trình xông nhớ động viên ông hít thở sâu.

Selain itu juga letakan handuk di bawah pipi, Untuk mencegah embun air jatuh, Ingat, selama proses penguapan, Berikan kata-kata semangat kepada kakek untuk tarik nafas dengan sepenuhnya.



2 姿位引流：

首先先把床頭搖平，床尾搖高，讓爺爺側躺。

Postural drainage:

First lower the head of the bed and raise the foot. Turn Grandpa on his side.

Dẫn lưu tư thế:

Trước tiên cho phần đầu giường hạ bằng xuống, đuôi giường nâng cao, để ông nằm nghiêng.

Postur pengeluaran dahak:

Pertama, ratakan ranjang bagian kepala, Tinggikan ranjang bagian kaki, Atur posisi kakek agar berbaring pada sisi samping.



- 左側胸壁有痰，要向右側臥；如果是右側胸壁有痰，就向左側臥，也就是說有痰的一邊要朝上。

Turn Grandpa on his side. To clear congestion from his left lung. Grandpa should be lying on his right side. If his right lung is congested, have him lie on his left side. The congested side should be higher up.



Nếu bên ngực trái có đờm, thì cho ông nằm nghiêng về tay phải. Nếu bên ngực phải có đờm thì nằm nghiêng về bên trái. Có nghĩa là bên nào có đờm thì hướng trên cao.

Berada pada dada sisi kiri, Maka kakek akan berbaring pada sisi kanan, Jika dahak berada pada dada sisi kanan, Maka berbaring pada sisi kiri, Artinya bagian berdahak harus di bagian atas.

- 使用枕頭做支托。下頷的地方放衛生紙。

Meanwhile, use pillows to help support him and place tissues under his jaw.



Lúc này có thể lấy gối làm đồ đệm phía sau. Dưới hàm phải lót giấy vệ sinh.

Anda boleh menggunakan bantal sebagai penopang, Selain itu pada bawah dagu, Letakkan tisu.

3 背部扣擊：

也就是拍痰。拍痰時要站在面向爺爺的一邊，將手掌彎曲成杯狀，叩擊朝上的上背部。可以雙手交替拍打，也可以單手叩擊，平均每一側需叩擊 10 分鐘，約 600 下，平均一秒鐘一下。記得拍痰之後要充分休息。



Chest percussion:

It's also chest physical therapy, CPT. To do this, stand to Grandpa's side cup your hand and clap upward on his upper back. You can alternate between both hands or use just one hand for 10 minutes on each side at a rate of one clap per second or 600 claps. After CPT, give Grandpa plenty of time to rest.



Khum bàn tay vỗ lưng:

Có nghĩa là vỗ rung long đờm, khi vỗ rung long đờm phải đứng đối diện với ông, bàn tay cong nhẹ tạo thành hình cái cốc, vỗ theo hướng lên của phần lưng trên.

Hai tay vỗ xen kẽ, cũng có thể vỗ một tay, mỗi bên trung bình vỗ 10 phút, khoảng 600 nhịp, bình quân 1 giây/lần. Sau khi giúp ông vỗ rung long đờm phải để cho ông nghỉ ngơi đầy đủ.

Tepuk pada bagian punggung:

Yaitu tepuk dahak, Harap duduk berhadapan dengan kakek saat tepuk dahak. Bentuk telapak tangan menjadi cangkir. Kemudian tepuk punggung atas yang menghadap ke atas. Boleh menepuk dengan dua tangan secara bergantian, Boleh juga menepuk dengan satu tangan, Setiap penepukan dilakukan 10 menit, Sekitar 600 kali , Rata-rata satu tepukan per detik. Setelah membantu kakek tepuk dahak, Biarkan kakek istirahat sepenuhnya.

拍痰要注意：

- 如果醫護人員告知有禁忌，就不行拍背。
- 要避免直接在皮膚上拍痰。
- 避免在飯後拍痰。
- 在飯前至少一小時才可拍。
- 每天至少早晚各一次，每次每側應至少 10 分鐘。

Reminders for CPT:

- Do not engage in CPT if forbidden by medical professionals.
- Avoid CPT on bare skin.
- Avoid CPT right after meals.
- Wait at least one hour after meals.
- Clap for 10 minutes on each side in the morning and evening.

Những điều cần chú ý trong việc vỗ rung long đờm:

- Nếu có điều cấm kị, thì không nên vỗ rung long đờm.
- Tránh việc vỗ rung long đờm trực tiếp trên da.
- Tránh vỗ rung long đờm sau bữa ăn.
- Vỗ rung long đờm trước bữa ăn ít nhất 1 giờ đồng hồ.
- Mỗi buổi sáng và buổi tối, mỗi buổi 10 phút/ lần.

Hal yang harus diperhatikan saat menepuk dahak:

- Tidak boleh menepuk dahak jika ada pantangan.
- Hindari menepuk langsung pada kulit.
- Hindari menepuk setelah makan.
- Tepuk dahak sebaiknya setidaknya satu jam sebelum makan.
- Tepuk dahak 10 menit masing-masing satu kali di pagi dan sore hari.

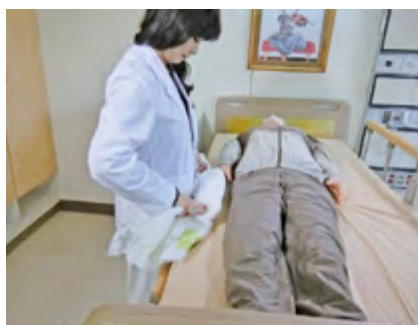
使用成人紙尿褲

1 打開紙尿褲，左右對折。

Open up the diaper. Fold it back.

Mở tã quần ra trái phải gấp đôi lại.

Buka popok kertas, Lipat kiri dan kanan.



2 將使用者側翻，整件紙尿褲攤開平放。

Turn patient to the side. Lay diaper flat.



để người dùng nằm nghiêng một bên. Mở nguyên chiếc tã ra để thẳng trên giường.

Baringkan pasien ke samping, Ratakan popok.

3 翻回使用者，撕開尿片一半貼紙，固定在紙尿褲上。

Turn patient back. Peel off tapes on one side. Secure the tapes.

Giúp người dùng nằm ngay lại. Tháo một nửa miếng dán của tã, dán cố định tã.

Kembalikan ke posisi semula, Buka setengah pita pelekat popok, Sematkan pada popok.



- 4 使用者股溝對齊尿布中線，撕開另一半尿片貼紙貼上，將紙尿褲同時貼上。紙尿褲兩邊四處膠帶順著腰圍貼好。

Line up the diaper. Fasten the tapes. Make sure waist is snug.

Rãnh mông người dùng đặt đúng đường tâm tã. Tháo một nửa miếng dán kia dán tã miếng và tã quần lại. Thuận theo vòng eo dán lại và nhấn nhẹ cố định.

Pastikan garis tengah popok tepat pada garis pantat, Tempel popok dengan celana dalam kertas, Pita popok ditempel sesuai dengan garis pinggang.



5 手指放入紙尿褲中，勾出裡面的防漏立體隔邊，並調整好位置。

Run finger along the diaper.
Pull leak guards in place,
adjust position.

Đặt ngón tay vào trong tã.
Kéo rãnh chống tràn hai
bên ra, điều chỉnh vị trí tã.

Masukkan jari Anda ke
dalam popok, Kaitkan
partisi tiga dimensi anti
bocor dan sesuaikan posisinya.



聘僱法令宣導小叮嚀

抽痰、導尿等侵入性醫療行為，應由醫師親自為之，或由護理人員依醫師法指示為之。未具護理人員資格者，若依醫囑執行前述業務，屬違反護理人員法第 37 條規定，外勞及其雇主各處新臺幣 1 萬 5 千元以上、15 萬元以下罰鍰；若無依醫囑擅自為之，則應醫師法第 28 條之約束。

Friendly legal reminder

Invasive procedures such as CPT and catheterization should be conducted by a doctor or by nursing staff at the instruction of a doctor. Non-qualified nursing personnel who practices the above acts at a doctor's instruction are in violation of Article 37 of the Nursing Personnel Act. The foreign worker and the employer shall each be fined more than NT\$15,000 and less than NT\$150,000. Anyone practicing without a doctor's instruction shall be punished according to Article 28 of the Physicians Act.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Hút đờm, thông tiểu... thuộc hành vi trị liệu có tính xâm nhập vào cơ thể, do đó cần phải do bác sĩ đích thân thực hiện, hoặc do nhân viên điều dưỡng dưới sự chỉ dẫn của bác sĩ thực hiện. Nếu không phải là nhân viên điều dưỡng, và cho dù là theo lời chỉ dẫn của bác sĩ mà thực hiện việc nói trên, thì sẽ bị vi phạm quy định điều 37- luật Điều dưỡng (*luật Khám chữa bệnh*), người lao động nước ngoài và chủ thuê sẽ bị phạt từ 15.000 đến 150.000 Đài tệ. Còn nếu không được sự chỉ dẫn của bác sĩ, mà tự ý thực hiện, thì sẽ bị buộc vào điều 28 luật Bác sĩ (*luật Khám chữa bệnh*).

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Penyedotan dahak dan pemasangan kateter urine adalah perilaku medis invasive yang harus dilakukan oleh dokter atau perawat sesuai pesan dokter, yang tidak mempunyai status perawat resmi, kalo ikut pesan dokter melakukan dua tindakan tersebut di atas, akan dinyatakan melanggar hukum Keperawatan pasal 37, Pekerja migran dan majikannya masing-masing akan dikenakan denda NTD 15 ribu sampai NTD 150 ribu, Kalo tanpa pesan dokter melakukan sendiri, akan dihukum melanggar Peraturan Kedokteran Pasal 28.



4

第四單元

潔身的照護

Personal Hygiene

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ - VỆ SINH SẠCH SẼ

Perawatan Kebersihan Badan

在床上洗頭

準備洗頭的東西

首先需要兩個水桶，一個水桶接洗頭時流下來的髒水，另一個裝乾淨的溫水，水溫大約攝氏 41 到 43 度。和舀水的水瓢。洗髮精、乾的大毛巾、小毛巾、以及吹風機、與梳子。另外要準備一個洗頭槽。



Prepare the supplies for washing hair

We'll need two buckets one empty bucket to drain dirty water and one bucket of warm water. Make sure the warm water is around 41 to 43 Celsius. We'll also need a cup for scooping water, shampoo, of course a large dry towel washcloth a hairdryer and brush. And a special item - a basin for hair washing.

Chuẩn bị dụng cụ gội đầu

Trước tiên chúng ta cần hai cái thùng nước, một thùng đựng nước bẩn chảy ra lúc gội đầu, thùng còn lại đựng nước ấm sạch. Tiếp theo chúng ta chuẩn bị nước ấm khoảng 41- 43 độ C, và một cái gáo múc nước, và thứ không thể thiếu là dầu gội đầu, khăn lông to khô, khăn lông nhỏ, máy sấy tóc, và lược. Ngoài ra còn phải chuẩn bị một cái bồn gội đầu.

Persiapkan barang keperluan keramas

Pertama-tama kita memerlukan dua buah ember, satu untuk menampung air kotor saat mencuci rambut, satunya lagi untuk menampung air hangat, suhu air sekitar 41- 43 derajat celcius. Dan sebuah gayung air. Shampo, handuk kering yang besar, handuk kecil, dan alat pengering rambut, serta sisir. Selain itu siapkan satu baskom keramas.

1 先看水溫是不是適合的。

Test the water temperature to make sure it's just OK.

Kiểm tra nhiệt độ nước xem đã phù hợp chưa.

Tes suhu air terlebih dahulu apakah cocok atau tidak.



2 平躺並且把頭移到床沿。

Then lie Grandpa back and place his bed at the edge of the bed.

cho ông nằm ngửa sau đó di chuyển phần đầu của ông đến đầu giường.

Berbaring terlentang, dan pindahkan kepala ke pinggir ranjang.



3 假如有氣喘或其他慢性病，就不能平躺，可以把床頭抬高一點乘坐臥姿。

If Grandpa has asthma or other chronic illnesses that prevent him from lying back or cause him to cough you can raise the head of the bed or sit him up.

Nếu ông bị hen suyễn hoặc bệnh mãn tính khác, thì không thể nằm ngửa. Có thể nâng đầu giường cao 1 chút như tư thế vừa nằm vừa ngồi.

Jika ada menderit penyakit asma, atau penyakit kronis lainnya, tidak boleh tidur terlentang, tinggikan sedikit ranjang bagian kepala menjadi posisi setengah duduk.

- 4 接著把洗頭槽放在頭頸部下。
再把空水桶放在洗頭槽下方，
預備接洗頭流下來的髒水。

Then place the basin under Grandpa's neck with the empty bucket under the basin to catch the dirty water.

Tiếp đó để bồn gội đầu dưới sau gáy. Để thùng nước không phía dưới bồn gội đầu, chuẩn bị cho nước bẩn chảy xuống.

Kemudian letakkan baskom keramas di bawah leher kepala. Lalu letakkan ember kosong di bawah baskom keramas untuk menampung air cuci kepala yang kotor.



- 5 把頭髮弄濕，再用洗髮精搓
洗頭髮。

Wet Grandpa's hair, and then wash with shampoo.

Làm ướt tóc của ông sau đó dùng dầu gội xoa gội tóc.

Basahkan rambut kakek, kemudian gosok dan cuci dengan shampo.



6 搓洗好了再用清水沖洗，可重複搓洗、沖水步驟直到乾淨為止。

After shampooing, rinse with clean water. Repeat this until his hair is clean.

sau khi xoa gội xong dùng nước sạch xả lại có thể xả nước nhiều lần đến khi tóc sạch sẽ.

Setelah dibersihkan, bilas dengan air bersih, dapat dicuci berulang kali sampai bersih.



7 洗乾淨後把其他用品移開，以乾毛巾裹頭髮。調整舒適的位置後，擦乾頭髮，再用吹風機將頭髮吹乾，吹乾後梳理整齊就好了。

When finished, move the bucket/basin and other supplies to one side. Wrap his head in a dry towel and move Grandpa to a comfortable position. Dry the hair with the towel and the hairdryer. Then comb the hair.



Sau khi gội xong đem các vật dụng khác dọn đi. Dùng khăn lông khô quấn tóc lại. Điều chỉnh tư thế ngồi thoải mái, lau khô tóc, dùng máy sấy, sấy khô tóc, sau khi sấy khô, dùng lược chải gọn gàng.

Setelah selesai barang keperluan lainnya dipindahkan, bungkus rambut dengan handuk kering. Setelah mengatur posisi nyaman, keringkan rambut, kemudian keringkan rambut dengan alat pengering rambut, setelah kering, sisir dan rapikan rambutnya.



洗的時候要注意哪些事項呢？

第一：先試水溫，要用溫水。

第二：用指頭的腹部按摩方式搓洗，不可以用指甲抓，以免傷害頭皮。

第三：注意不要讓水或泡沫跑到眼睛或耳朵裡。

第四：不要用鐵梳，梳頭要從髮尾開始。

What do you need to pay attention to?

1. First, test the water temperature. It should be warm.
2. Second, massage using the fingertips to protect the scalp instead of using fingernails.
3. Third, don't get water or shampoo in his eyes or ears.
4. Fourth, don't use metal brushes and start detangling from the ends.

Cần chú ý những điều gì khi gội đầu?

1. Thử nhiệt độ nước, dùng nước ấm.
2. Dùng đầu ngón tay để xoa rửa, không được dùng móng tay cào, tránh làm tổn thương da đầu.
3. Tránh để nước hoặc bọt dầu gội chảy vào mắt hoặc tai.
4. Không sử dụng lược sắt chải đầu, nên bắt đầu chải từ ngọn tóc.

Hal-hal apa yang perlu diperhatikan saat keramas?

1. Tes suhu air, gunakan air hangat.
2. Cuci dengan cara pijat menggunakan bagian dalam jari tangan, jangan gosok dengan kuku jari, agar tidak melukai kulit kepala.
3. Perhatikan, jangan sampai air atau air busa masuk ke dalam mata dan telinga.
4. Jangan gunakan sisir besi, menyisir mulai dari ujung rambut.

在床上清潔手腳

準備清潔的東西

攝氏 41 到 43 度溫水。臉盆、肥皂、毛巾、乳液、塑膠墊、指甲剪、銼刀。

First, we need warm water. The water temperature should be between 41 to 43 Celsius. We also need a basin, soap, ovelmoisturizer, plastic mat, nail clippers and a file.

Nhiệt độ nước ấm khoảng 41~43 độ C. Thau nước, xà phòng, khăn lông, kem dưỡng da, thảm nhựa, kéo cắt móng, cái giũa.

Air hangat 41 hingga 43 derajat celcius. Baskom, sabun, handuk, lotion, tikar plastik, gunting kuku, pengikir.

1 先將塑膠墊在床上的一側鋪好。把裝有溫水的臉盆放在塑膠墊上，水溫維持大約攝氏 41 到 43 度。

First place the plastic mat on one side of the bed. Put the basin of warm water on the plastic mat Remember that the water temperature should be between 41 and 43 Celsius.

Trước tiên phải trải tấm thảm nhựa bên hông giường. Đặt lên thau thau nước ấm, nhớ luôn giữ nhiệt độ nước khoảng 41~43 độ C.

Pertama-tama letakkan alas plastik di satu sisi pada salah satu sisi ranjang. Letakkan baskom berisi air hangat di atas alas plastik. Air dalam baskom mesti dijaga pada suhu sekitar 41 hingga 43 derajat celcius.

2 手放進臉盆裡，浸泡幾分鐘，再用肥皂搓洗每隻手指頭，尤其是指縫。

Place Grandpa's hand in the basin to soak for a few minutes. Use the soap and clean each finger especially between the fingers.

Ngâm tay vào thau nước ngâm vài phút, sau đó dùng xà phòng rửa sạch từng ngón tay, đặc biệt chỗ các kẽ tay.

Masukan tangan ke dalam baskom, rendam beberapa menit, kemudian gunakan sabun untuk mencuci setiap jari, terutama pada bagian celah jari.



3 把手擦乾後再抹一點乳液，讓手部皮膚保持潤滑。乳液抹好後就用同樣的方法清潔另一側的手。

Apply moisturizer to the dried hand to keep the skin smooth. After moisturizing repeat the steps on the other hand.



sau khi lau khô tay, bôi một lớp kem dưỡng da tay để da tay trở nên mềm mại. sau khi bôi kem dưỡng xong dùng như cách lúc nãy để làm sạch bên tay còn lại.



Oleskan sedikit lotion setelah tangannya kering, agar kelembaban tangan tetap terjaga. Setelah selesai mengoleskan lotion, gunakan cara yang sama untuk membersihkan tangan yang lain.

4 手部完成後，進行腳的浸泡與搓洗，方法跟清潔手一樣。

After washing the hands, soak and wash the feet in the same way.

Sau khi xử lý xong phần tay, tiến hành phần ngâm và rửa chân. phương pháp như cách rửa tay vậy.



Setelah bagian tangan selesai, rendam dan cuci bagian kaki, caranya sama dengan membersihkan tangan.

使用指甲剪跟銼刀

- 先剪中間
 - 再剪兩邊
 - 手指甲用銼刀修弧形
 - 腳趾甲修平形
 - 一根一根剪
 - 剪完再按摩
 - 手指甲一週一次
 - 腳趾甲一個月一到兩次
-
- First the middle
 - then trim the sides
 - File the fingernails into a round shape
 - Cut toenails straight across
 - Trim them one by one
 - and massage afterwards
 - Trim fingernails once a week
 - and toenails once or twice a month.
-
- Cắt móng giữa trước
 - Sau đó cắt hai bên
 - Móng tay nên được giữa thành hình cung
 - Móng chân nên được giữa ngang bằng
 - Cắt từng ngón
 - Xoa bóp sau khi cắt
 - Móng tay 1 tuần cắt 1 lần
 - Móng chân 1 tháng cắt 2 lần



- Potong bagian tengah
- Kemudian potong kedua sisi
- Kuku tangan dikikir jadi lekukan membulat
- Kuku kaki dipotong rata
- Dipotong satu per satu
- Pijat setelah selesai memotong
- Kuku jari tangan dipotong sekali seminggu
- Kuku jari kaki dipotong slatu kali hingga dua kali sebulan

1 剪完後手指甲要再用銼刀修成弧形，但注意腳趾甲卻要修成平形，避免新長出來的指甲嵌入軟組織內，造成甲溝炎。

Then file the fingernails into a round shape. Toenails should be cut straight across to avoid ingrown toenails from digging into the skin.

Sau khi cắt móng, móng tay nên được giữa thành hình cung, nhưng phải chú ý móng chân nên giữa ngang bằng, tránh việc móng mọc dài ra đâm chọc vào da thịt, gây viêm sưng khoé móng.

Setelah pemotongan kuku selesai, kuku tangan dikikir jadi melengkung dengan pengikir, tetapi kuku kaki cukup diratakan, untuk menghindari kuku yang tumbuh tertanam pada jaringan lunak dan menyebabkan paronikia.



2 另外，如果有糖尿病，要更加小心避免受傷。

Also if Grandpa has diabetes be extra careful when trimming nails to prevent injury.

Ngoài ra, nếu có bệnh tiểu đường, lúc cắt móng càng cần phải lưu ý tránh gây ra tổn thương.

Selain itu, jika ada menderita penyakit diabetes, harus lebih berhati-hati saat memotong kuku agar tidak terluka.



聘僱法令宣導小叮嚀

依衛生福利部依長期照顧服務法第六十四條第三項規定，外籍看護工可申請補充訓練，訓練方式可分為集中訓練、到宅訓練。訓練內容包含：身體照顧服務、日常生活照顧服務、家事服務、文化適應、溝通技巧、生活會話、職場安全、傷害預防、失能者保護觀念及其他權益保障、其他與失能者照顧服務相關課程。補充訓練資訊可電詢「長照專線 1966」。

Friendly legal reminder

According to Paragraph 3, Article 64 of the Long-Term Care Services Act by the Ministry of Health and Welfare foreign caregivers can apply for supplemental training including in-class training and at-home training. Training content includes physical services daily life services domestic chores cultural adjustment communication skills everyday conversation workplace safety injury prevention protection of the disabled and protection of rights and interests as well as other care services for the disabled. For information, please call 1966, the Long-term Care Service Hotline.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Theo quy định khoản 3 Điều 64- luật Dịch vụ Chăm sóc dài hạn của Bộ Y tế và Phúc lợi, khán hộ công được bổ sung đào tạo. Khán hộ công nước ngoài có thể có thể làm đơn xin yêu cầu để được đào tạo bổ sung, phương pháp đào tạo có thể chia thành: Đào tạo tập trung và đào tạo tại nhà. Nội dung bao gồm: dịch vụ chăm sóc thể chất, dịch vụ chăm sóc cuộc sống hàng ngày, dịch vụ gia đình, thích ứng văn hóa, kỹ năng giao tiếp và các khóa học khác. Muốn biết thêm về thông tin đào tạo gọi đường dây Chăm Sóc Dài Hạn 1966.

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Berdasarkan Majelis Kementerian Kesehatan dan Kesejahteraan Undang-Undang Pelayanan Perawatan Jangka Panjang pasal 64 ayat 3, perawat asing dapat mengajukan permohonan untuk pelatihan tambahan, cara pelatihan dapat dibagi menjadi pelatihan bersama, pelatihan rumah. Isi pelatihan termasuk : pelayanan perawatan tubuh, pelayanan perawatan hidup sehari-hari, pelayanan pekerjaan rumah tangga, adaptasi budaya, teknik berkomunikasi, percakapan sehari-hari, keselamatan di tempat kerja, pencegahan cedera, konsep perlindungan orang cacat, dan hak perlindungan lainnya, kelas lain yang berkaitan dengan pelayanan perawatan orang cacat. Untuk informasi silakan hubungi saluran 1966.



第五單元

居家健康管理

Home Health Care Management
CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TẠI NHÀ
Manajemen Kesehatan Rumah

發燒的照護

1 調整舒服姿勢，安靜休息，減少熱量消耗。

Place in a comfortable position to rest quietly and lower energy expenditure.

Điều chỉnh tư thế, yên tĩnh nghỉ ngơi, giảm các tiêu hao năng lượng.

Sesuaikan posisi tubuh, istirahat dengan tenang, kurangi pengeluaran kalori.



2 兩到四小時量體溫，做紀錄。

Take and record temperature every 2 to 4 hours.

Cứ mỗi 2~4 giờ đồng hồ, đo và ghi nhận lại thân nhiệt.

Mengukur dan mencatat suhu tubuh setiap 2 hingga 4 jam.



3 溫水輕拍身體散熱，使用冰枕，依醫師指示吃退燒藥。

Wipe with warm water, use ice pillow, take fever-reducing drugs at doctor's orders.

Dùng nước ấm vỗ tản nhiệt cơ thể, dùng gối băng, uống thuốc hạ sốt theo hướng dẫn của bác sĩ.

menepukkan air hangat ke badan untuk mengeluarkan hawa panas, gunakan kantong es, minum obat sesuai arahan dokter.



4 保持空氣流通。

Maintain air circulation.

Đảm bảo không khí lưu thông tốt.

Jaga pengaliran udara.

5 多吃高蛋白、高熱量、容易消化的食物，多喝開水。

Eat high-protein, high-calorie, and easily digested foods. Drink lots of water.



Ăn nhiều chất đạm, chất nhiều calo (năng lượng), ăn thức ăn dễ tiêu hóa, uống nhiều nước.

Perbanyak makan makanan yang mengandung protein, kalori tinggi, makanan yang mudah dicerna, banyak minum air putih.

6 查看皮膚、大小便、呼吸道、消化道有沒有異常。

Check the skin, urine and stool, respiratory tract, and digestive tract.



Kiểm tra da, đại tiểu tiện, đường hô hấp, đường tiêu hóa, xem có bất thường không.

Periksa kondisi kulit, pembuangan air besar dan air kecil, saluran pernapasan, dan saluran pencernaan.

輕拍身體散熱

- 1 輕拍身體散熱要用溫水而且要在溫暖的環境中，像在浴室或房間內。

Wipe the body with warm water in a warm environment like the bathroom or bedroom.

Phải dùng nước ấm và vỗ nhẹ để tản nhiệt cơ thể, nên trong môi trường ấm áp như phòng tắm hoặc phòng ngủ.

Tepuk tubuh harus dengan air hangat, harus dalam ruangan yang hangat, seperti jika pada kamar mandi atau kamar tidur.



2 以攝氏 41 到 43 度的溫水沾溼毛巾後，拍打背部、手臂、腋下、鼠蹊部，增加皮膚表面血液循環，達到散熱的目的。

Water temperature should be 41 to 43°C. Pat Grandpa's body with a wet washcloth. Remember to pat his back, arms, armpits, and groin area to increase skin blood flow and dissipate body heat.

Dùng khăn lông nhúng vào nước ấm khoảng 41~43 độ, vỗ phần lưng, cánh tay, nách, háng, để tăng lưu thông máu trên bề mặt da, đạt được hiệu quả tản nhiệt.

Suhu air hangat sekitar 41-43°C. Basahi handuk dengan air hangat dan tepuk tubuh kakek. Ingat, jangan lupa untuk tepuk punggung, lengan, ketiak, lipatan paha, untuk meningkatkan sirkulasi darah pada permukaan kulit. Guna mencapai tujuan penurunan panas.



冰枕的使用

1 在冰枕內裝三分之二的冰塊，再加一些冷水。

Fill 2/3 with ice and add water.

Cho hai phần ba đá viên và thêm nước vào gối băng.

Masukkan $\frac{2}{3}$ es, kemudian tambahkan air.

2 夾緊袋夾放到塑膠袋。

Secure it and place in a plastic bag.

Khoá miệng túi zipper lại và cho vào túi nhựa.

Jepit kantong es kemudian masukkan ke dalam kantong plastik.

3 乾毛巾包好放頭下。

Wrap in dry towel and put under head.

Dùng khăn khô quấn lại đặt dưới đầu.

Balut dengan handuk kering, letakkan di bawah kepala.

4 檢查冰塊隨時更換。

Check the ice and replace it when needed.

Kiểm tra đá viên và thay thế mọi lúc cần thiết.

Periksa es batu dan diganti setiap saat.

皮膚的照護

翻身注意事項

- 1 大約每兩小時翻一次身，注意衣服、被單、看護墊的平整，以免不舒服。

Alternate positions roughly every 2 hours. Check and make sure his clothes, sheets and padding is flat to avoid discomfort.

Cứ mỗi 2 tiếng đồng hồ thay đổi tư thế nằm một lần. Phải chú ý áo quần, chăn giường miếng đệm lót có được bằng phẳng không, tránh việc bị nếp gấp gây khó chịu.

Pembalikan tubuh dilakukan setiap dua jam. Setiap kali membalikkan harus memperhatikan baju dan sprei. Dan tirai perawatan dalam keadaan rata. Agar kakek merasa nyaman.



2 對皮膚的受壓面，要輕拍或按摩促進血循。

Gently pat or massage the skin to improve blood circulation.

Đối với vùng da bị đè nén phải vỗ nhẹ hoặc xoa bóp để thúc đẩy lưu thông máu.

Di tempat tekanan permukaan kulit, tepuk dan pijat kulit untuk meningkatkan sirkulasi darah.



3 每天使用中性沐浴潔膚用品，用溫水擦拭或清洗身體，保持皮膚的乾淨，增強皮膚的抵抗力。

Use neutral body wash and skin products daily and wipe or wash the body with warm water. Keep the skin clean to boost skin resistance.

Hằng ngày nên sử dụng sản phẩm sữa tắm trung tính, lau hoặc làm sạch cơ thể bằng nước ấm, giữ da luôn sạch, tăng cường sức đề kháng của da.

Gunakan pembersih yang netral setiap hari. Lap atau mandi dengan air hangat. Jaga kebersihan kulit. Untuk meningkatkan daya tahan kulit.



4 在皮膚較乾燥的地方塗抹潤膚乳液、凡士林等保濕用品。

Apply moisturizer like Vaseline to dry patches of skin.

Đối với những vùng bị khô thoa kem dưỡng ẩm Vaseline và các chất dưỡng ẩm khác.

Pada bagian kulit yang kering, oleskan sedikit lotion pelembab, seperti vaseline atau pelembab lainnya.



5 隨時留意衣服、被單或尿布墊的乾爽，以免過敏長疹子。

Check and keep dry his clothes, sheets, and diaper to prevent skin rash.

Thường xuyên lưu ý độ khô ráo của quần áo, chăn giường, tã lót để tránh bị dị ứng phát ban.

Perhatikan pakaian, sprei dan popok berada dalam keadaan kering. Untuk menghindari ruam alergi.



6 使用膠布時應選擇透氣膠布，並且每天都要更換黏貼部位。

Use breathable tape when necessary and alternate locations every day.

Sử dụng băng dán cá nhân, nên chọn loại thông thoáng và phải thay đổi băng dán mới mỗi ngày.

Pilih selotif yang berpori, tempelkan pada tempat yang berbeda setiap hari.



聘僱法令宣導小叮嚀

外籍家庭看護所照護的被看護者不幸死亡後，應促請雇主於 30 日內，儘速向勞動部辦理變更被看護者、由與新被看護者符合親等關係之新雇主接續聘僱，或向勞動部辦理轉換雇主或工作事宜。

Friendly legal reminder

In the case of the patient's death, the foreign caregiver should urge the employer to apply to the Ministry of Labor within 30 days for change of care-receiver, in order to legally start a new contract with a new employer who is related to the new care-receiver. Or just to apply to the Ministry of Labor for a change in employer or job.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Đối với Khan hộ công nước ngoài, khi người mà bạn chăm sóc, không may qua đời. Chủ thuê của bạn trong vòng 30 ngày, nhanh chóng đến Bộ Lao động, để làm thủ tục thay đổi người được chăm sóc. Nếu người được chăm sóc mới có mối quan hệ thân thích phù hợp với chủ thuê mới, thì có thể tuyển dụng trực tiếp hoặc đến Bộ Lao động để xin chuyển chủ hoặc đổi việc làm.

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Bagi pengasuh migran Jika pasien yang dirawat meninggal dunia. Harus meminta majikan dalam 30 hari Segera ke Kementerian Ketenagakerjaan (MOL). Melaksanakan proses perubahan pasien dengan persyaratan hubungan keluarga yang sesuai pasien dan majikan, anda dapat melanjutkan kerja di majikan baru. Atau mengajukan pergantian majikan. Atau pergantian pekerjaan pada instansi kami.



第六單元

緊急情況的 知識與對策

Emergency Care and Response

**TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP VÀ BIỆN PHÁP GIẢI
QUYẾT**

Cara mengatasi dan pengetahuan darurat

意外跌倒

- 1 當發現老年人跌倒時，不要急於扶起來，要先檢查有沒有外傷流血，是不是要立即止血、包紮。再呼喚他，看他是否有反應，判斷他的意識是否清醒。如果意識不清醒，要先撥打 119 急救電話，求助專業人員。

When an elderly person falls down, don't help them up immediately. First check for visible injuries. If necessary, stop the bleeding and bandage the wound. Then call their name and see if they are responsive and whether they are conscious. If they have lost consciousness, call 119 for emergency and ask for professional assistance.



Khi phát hiện người già bị té ngã, đừng vội vàng đỡ dậy, nên kiểm tra xem có chấn thương chảy máu ngoài da nào không, có cần thiết phải cầm máu và băng bó không. Kêu người đó dậy, xem có phản ứng gì không. Phán đoán xem người đó có còn nhận thức được không, nếu không còn tỉnh táo, gọi số điện thoại cấp cứu 119, để có chuyên viên đến cứu trợ khẩn cấp.

Ketika menemukan orang tua jatuh. Jangan terburu-buru untuk mengangkutnya. Harus periksa dulu apakah ada pendarahan. Apakah perlu menghentikan pendarahan atau diperban. Kemudian panggil namanya. Lihat apakah dia bereaksi. Periksa apakah dia dalam keadaan sadar. Kalau dia dalam keadaan tidak sadar. Segera telepon saluran 119. Untuk meminta bantuan professional.

.....

2 有嘔吐時要將頭偏向一邊，清理口鼻腔內的嘔吐物，確保呼吸通暢，防止窒息。

If there is vomiting, tilt their head to the side, clear the airways of vomit to avoid choking.

Khi bị nôn mửa đầu phải nghiêng về một bên, làm sạch chất nôn trong mũi và miệng, đảm bảo rằng đường hô hấp được thông suốt để tránh nghẹt thở.

Jika muntah, maka miringkan kepalanya. Bersihkan muntahan dari mulut dan hidung, agar dia bisa bernafas dengan lancar, dan mencegah dia mati karena tidak mampu bernafas.

3 發生抽搐時，千萬不要移動病患任何肢體，也不可放任何東西在患者口中，只需要保持環境安全，頭側一邊，避免噎到，並記錄抽搐的型態、時間即可。

In case of seizure, don't try to move the patient and don't put anything in the patient's mouth. Move hard or sharp objects out of the way. Keep the head tilted to avoid choking. And record the time and type of seizure.

Khi có co giật xảy ra, không di chuyển bất kỳ bộ phận cơ thể nào của bệnh nhân, cũng không đặt bất cứ thứ gì vào trong miệng bệnh nhân, chỉ cần đảm bảo môi trường an toàn, đầu nghiêng về một bên, tránh bị sặc, và ghi chép lại thời gian và tình trạng co giật.

Jika terjadi kejang-kejang, jangan menggerakkan tubuh pasien atau meletakkan barang apapun ke dalam mulut pasien. Anda hanya perlu menjaga keamanan lingkungan. Miringkan kepala di samping, agar tidak tersedak. Catat keadaan dan waktu kejang-kejangnya.



4 如果爺爺的口頭有應答、眼球有反應的話，就代表他的意識是清楚的。

這時先問他記不記得跌倒的過程，如果記不起來，那可能是腦血管意外，要立即撥打 119 求救、送醫。



If Grandpa replies verbally and the eyes are responsive, it means he is conscious. Ask him at this time if he remembers falling. If he has no memory, he may have had a cerebrovascular accident. Call 119 and seek medical help immediately.

Nếu miệng và đôi mắt của ông có phản ứng, có nghĩa là ý thức còn rõ ràng. Lúc này cần hỏi ông ấy có còn nhớ lúc bị ngã như thế nào không, nếu không nhớ, đó có thể là do tai biến mạch máu não, hãy gọi ngay 119 để được giúp đỡ và chăm sóc y tế.

Jika kakek bisa menjawab dengan lisan. Dan matanya juga bisa merespons. Berarti dia berada dalam keadaan sadar. Pada saat ini boleh bertanya kepadanya. Apakah dia mengingat proses jatuhnya, jika dia tidak mengingatnya. Mungkin ada cedera pada pembuluh darah otak. Segera hubungi 119 untuk dibawa ke rumah sakit.

5 如果有骨折或有腰及背部疼痛、大小便失禁等腰椎損害情形，千萬不能隨便扶起或搬動，以免加重病情，要立即撥打 119 求救、送醫。

If there is a fracture, neck or back pain, loss of bladder control, or spinal injury, have them stay in place. Do not move them or help them up to avoid further injury. Call 119 and seek medical help immediately.

Nếu bị gãy xương hoặc bị đau vùng eo và lưng nếu phát sinh trường hợp đại tiểu tiện mất tự chủ v.v... và tổn thương vùng thắt lưng, lúc này tuyệt đối không tự ý nhấc đỡ hoặc di chuyển bệnh nhân, để tránh làm cho tình trạng nặng thêm. lập tức gọi 119 để được giúp đỡ và được chăm sóc y tế.

Jika terdapat patah tulang atau sakit pinggul dan punggung. Tidak bisa menahan buang air besar dan kecil. Pada saat ini Jangan memapah atau memindahkan pasien mencegah memperburuk kondisi pasien. Segera telepon 119 untuk mendapat perawatan medis.



6 如有外傷及出血，應儘可能止血、包紮並到醫院進行進一步處理。

If there are injuries or bleeding, try and stop the bleeding. Bandage the wound and seek medical treatment.

Nếu có chấn thương và chảy máu, hãy cố gắng tiến hành cầm máu, băng bó và đưa đến bệnh viện ngay để được điều trị.

Jika terdapat pendarahan luka luar, harus sesegera menghentikan pendarahan, balut luka dan periksa ke rumah sakit.



7 如老年人試圖自行站起，可協助他緩慢起立，坐或平躺休息，並觀察半小時以上，確認沒事。

If the patient tries to get up on their own, help them up slowly into a seated or lying position. Observe for at least 30 minutes to make sure they are alright.

Nếu bệnh nhân lớn tuổi muốn tự đứng lên, có thể giúp họ đứng lên từ từ, ngồi hoặc nằm xuống để nghỉ ngơi, quan sát trong nửa giờ trở lên, xác nhận không có gì.

Jika lansia berusaha berdiri sendiri. Dapat membantunya berdiri dengan perlahan. Duduk atau berbaring untuk istirahat. Dan amati dia setengah jam atau lebih untuk memastikan keselamatannya.

抽筋的處理

1 按壓人中穴，到有酸脹感。

Press on the pressure point until there is soreness.

Ấn mạnh vào huyệt Nhân trung, cho đến khi có cảm giác đau nhức.

Tekan bagian tengah antara hidung dan mulut hingga terasa perih dan sakit.



2 輕柔將腳掌往腳背方向扳。

Gently flex the foot up and back.

Kéo nhẹ bàn chân về hướng mu bàn chân.

Dorong telapak kaki ke punggung kaki dengan lembut.



3 按壓腳後跟兩側，用力上下搓動。

Press either side of the heel and firmly rub up and down.

Xoa nhấn hai bên gót chân, dùng sức xoa đẩy lên xuống.

Tekan kedua sisi tumit dan gosok atas-bawah dengan kuat.



4 熱敷腳或泡溫熱水

Apply heat or soak the feet in warm water.

Đắp khăn nóng và ngâm chân với nước ấm.

Hangatkan kaki atau rendamkan kaki dalam air hangat.



預防抽筋

1 喝適量的水。

Drink water appropriately.

Uống lượng nước thích hợp.

Minum air yang cukup.

2 穿有鞋墊或氣墊的鞋子。

Wear supportive footwear.

Mang giày có đế hoặc mang giày có đệm khí.

Memakai sepatu dengan alas empuk atau bantalan udara.



3 睡覺時將雙腿抬高。

Raise legs when sleeping.

Nâng cao chân lên khi ngủ.

Angkat kedua kaki saat tidur.



4 多作伸展運動。

Stretch more.

Thường xuyên luyện tập kéo giãn cơ thể.

Lakukan olahraga peregangan.

5 平時多走路。

Walk more.

Thường đi bộ nhiều hơn.

Sehari-hari mesti banyak berjalan.

6 多補充鉀、鈣、鎂。

Supplement potassium, calcium, magnesium.

Bổ sung thêm kali, canxi, magiê.

Perbanyak asupan kalium, kalsium dan magnesium.



7 睡覺時腳要保暖。

Keep feet warm in sleep.

Giữ ấm chân lúc ngủ.

Jaga kehangatan kaki selama tidur.

聘僱法令宣導小叮嚀

外籍勞工合法在臺工作，在聘僱許可期間無違反我國法令規定情事而因聘僱關係終止或聘僱許可期間屆滿出國，或因健康檢查不合格經返國治療再檢查合格者，得申請入國簽證再來臺工作，但在臺灣境內工作期間，累計不得逾 12 年。但外籍家庭看護工，符合一定資格、條件者，得延長工作期限至 14 年。

Friendly legal reminder

An employed foreign worker who has not violated any laws during their employment period and has departed the ROC upon termination or expiration of employment permit or failed their health exam but accepted treatment in their country and passed their health exam, may re-enter the ROC to work. However, the work period in the ROC must not exceed more than 12 years. Foreign caregivers fulfilling certain requirements may extend to a maximum of 14 years of work.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Lao động nước ngoài đang làm việc hợp pháp tại Đài Loan, và không vi phạm các quy định pháp luật. Nhưng vì lí do tuyển dụng, hoặc do hết thời hạn làm việc, hay do kiểm tra sức khoẻ không đạt và sau khi về nước điều trị và tình hình sức khoẻ đạt tiêu chuẩn. Thì có thể xin lại visa lao động để tái nhập cảnh Đài Loan làm việc, nhưng thời gian làm việc không được tích lũy quá 12 năm. Khách hộ công gia đình nước ngoài, nếu phù hợp tư cách và điều kiện nhất định, sẽ được kéo dài thời gian làm việc lên 14 năm.

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Pekerja migran yang bekerja secara resmi di Taiwan dan tidak melanggar peraturan, setelah habis kontrak boleh memperpanjang kontrak, paling lama hingga 12 tahun. Pengasuh migran yang memenuhi syarat boleh memperpanjang masa kerja hingga 14 tahun.



第七單元

正確使用輔具

Correct Use of Assistive Devices

CÁCH SỬ DỤNG DỤNG CỤ HỖ TRỢ ĐÚNG CÁCH

Cara penggunaan alat bantu yang benar

正確使用輪椅

- 1 上半身往前屈離開輪椅靠背。

Lean forward away from the backrest.

Phần thân trên nghiêng về phía trước, rời khỏi lưng dựa của xe lăn.

Tubuh bagian atas condong ke depan meninggalkan sandaran kursi roda.



- 2 引導肩膀向左傾斜、右邊臀部往後帶轉移。

Tilt his shoulder left and rotate his right hip back.

Hướng dẫn cách đưa vai sang trái. Di chuyển hông bên phải về phía sau.

Tuntun bahu agar miring ke kiri, lalu pinggul kanan pindah memutar ke arah belakang.



3 換邊重複操作。

Repeat on the other side.

Làm xong lại đổi bên.

Ganti ke sisi yang lain
ulangi langkah yang
sama.



4 左右反覆至坐正。

Shift left and right until
fully seated.

Cứ như thế trái phải trái
phải cho đến khi ngồi
ngay ngắn.

Lakukan berulang kali
kiri dan kanan sampai posisi duduk yang benar.



正確使用便盆椅

1 用倒退走方式。
把後輪抬高往後拉越過門
檻。

Turn it around and back up.
When the wheels reach the
threshold, gently lift the
commode chair over the
threshold.

Dùng phương pháp đảo
ngược.
Nhấc bánh xe sau lên cao
kéo về phía sau vượt qua
ngưỡng cửa.

Dengan cara jalan mundur angkat roda belakang kursi
toilet tarik ke belakang sampai melewati ambang pintu.



2 如果碰到的比較高的門檻，又沒有斜坡的話。

If the threshold is even higher and there is no slope.

Nếu gặp phải bậc cửa tương đối cao, mà lại không có sườn
đốc.

Jika bertemu dengan ambang pintu yang lebih tinggi juga
lantainya tidak miring.

3 將後輪轉向前。

We need to rotate the wheels forward.

Chúng ta xoay ghế sao cho bánh xe sau hướng về trước.

Roda belakang diputar menghadap ke depan.



4 雙腳擋住後輪當煞車。

Then use our feet to block the rear wheels.

Dùng hai chân làm điểm tựa cho bánh xe sau.

Gunakan kedua kaki untuk menahan roda belakang sebagai rem.



5 將便盆椅向後拉。

Next we pull backwards.

Kéo ngược ghế bô về phía sau.

Kursi toilet ditarik mundur.



6 將爺爺重量靠在大腿上往前，前弓後箭。

I shift Grandpa's weight against my thigh.

Đỡ trọng lượng của ông dựa vào đùi mình, tư thế nghiêng ngả.

Dan berat badan kakek tertumpu pada paha atas, bagian depan membengkok dan bagian belakang menukik.

7 利用大腿、身體的動作進入門檻。

In a staggered stance, I can use my legs and my body to get it over the threshold.

Sử dụng các động tác chuyển động của đùi và cơ thể, vậy là có thể đi qua bậc cửa rồi.

Gunakan gerakan kaki, dan gerakan badan untuk memasuki ambang pintu.

電動床的調整

1 讓臀部坐在第二片位置。

The 2nd section of the bed is situated at the lowest point. So we need to place Grandpa's hips on the 2nd section.



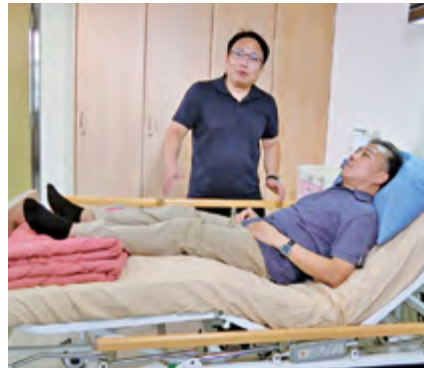
Mảnh thứ 2 là điểm thấp nhất của toàn bộ giường, để phần mông ngồi trên mảnh thứ 2 này.

Bagian pinggul duduk di posisi papan kedua.

2 搖高病床要先把腳部搖高，再把頭部搖高。

We need to raise the feet and then the head.

Nâng cao giường phải nâng cao phần chân trước, sau đó nâng cao phần đầu.



Saat meninggikan ranjang, harus meninggikan bagian kaki, lalu tinggikan ranjang bagian kepala.

使用助行器及四腳手杖

- 1 確認握把的高度：第一種是手腕關節線，第二種是手肘彎曲 20 度的高度。

First, the hand grip should be roughly at the level of the crease in your wrist. Or, when you grasp the handle you should have a slight bend of about 20 degrees in your elbow.



Xác định chiều cao của báng tay cầm, có 2 điểm: Điểm thứ nhất là ở đường khớp cổ tay. Điểm thứ hai là chiều cao khuỷu tay với đường cong 20 độ.

Pastikan ketinggian pegangan tangan : Jenis pertama adalah garis sendi pergelangan tangan. Jenis kedua adalah siku lengan yang dibengkokkan sebesar 20 derajat.



2 四腳手杖較窄的一邊靠近使用者，才不會去踢到。

The shorter side should be facing the patient. This is because with the shorter side facing in the patient is less likely to trip over the legs.

Bốn chân bên dưới của gậy, bên hẹp hơn sẽ tiếp cận người dùng, như vậy sẽ không bị đá phải.

Sisi tongkat berkaki empat yang lebih sempit posisinya dekat dengan pengguna, agar tidak mudah tertendang.



3 利用彈扣調整握把方向。

To adjust it, find the locking button then push it in.

Nhấn vào nút có thể điều chỉnh xoay chuyển báng tay cầm.

Gunakan knop tombol untuk menyesuaikan arah tongkat.



聘僱法令宣導小叮嚀

外籍勞工在臺工作期間，如發生性行為時，宜採取適當措施（如使用保險套、避孕藥等避孕措施），以維護自身權益。如懷孕，可攜帶健保 IC 卡至健保特約醫事服務機構，定期接受產前檢查。產檢院所或當地衛生局所也備有多國語言版之孕婦健康手冊，提供您懷孕期間的健康照護資訊。

Friendly legal reminder

Foreign workers employed in Taiwan who engage in sexual behavior should take appropriate preventive measures, such as using condoms or contraceptives to protect their own rights and interests. In case of pregnancy, please bring your NHI card and undergo regular prenatal exams at NHI contracted medical care institutions. Clinics, hospitals, and local health departments can provide the Maternal Health Booklet in many languages.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Lao động nước ngoài đang làm việc tại Đài Loan, nếu có phát sinh quan hệ tình dục, nên cần có biện pháp thích hợp (*như sử dụng bao cao su, thuốc tránh thai v.v để phòng ngừa*). Nếu mang thai, bạn có thể dùng thẻ bảo hiểm IC đến các Cơ quan dịch vụ Y tế, để được kiểm tra định kì trước khi sinh. Ở bệnh viện hoặc phòng y tế địa phương cũng có sổ tay chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai với phiên bản đa ngôn ngữ. Cung cấp các thông tin chăm sóc sức khỏe khi mang thai.

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Pekerja migran selama bekerja di Taiwan, apabila melakukan hubungan seksual, dapat menggunakan cara yang benar (misalnya menggunakan kondom, pil kb dan cara pencegah kehamilan lainnya). Jika hamil, dapat membawa kartu askes ke instansi kesehatan yang mempunyai kontrak dengan askes untuk menerima pemeriksaan kehamilan secara berkala. Badan pemeriksaan kehamilan atau instansi kesehatan setempat juga menyediakan buku pedoman kesehatan bagi ibu hamil dalam berbagai bahasa, yang memberikan informasi tentang perawatan kesehatan di masa kehamilan bagi Anda.



第八單元

失智症照護

Dementia Care

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CHO NGƯỜI MẤT TRÍ NHỚ

Perawatan Demensia

預防失智症六面向

- 失智症是個症候群，有 60% 到 70% 是阿茲海默症，到現在為止還是找不到藥物治療。怎麼延緩失智、非藥物治療變成照護主軸。
- Dementia is a syndrome. Alzheimer's contribute to 60-70% of cases. We currently have not found a cure. So in terms of slowing progression, non-drug treatments are the main focus.
- Chứng mất trí nhớ là một hội chứng mà trong đó có 60% đến 70% là bệnh Alzheimer. cho đến bây giờ chúng tôi vẫn tìm không ra cách điều trị. Vậy làm thế nào để trì hoãn chứng mất trí nhớ? điều trị không sử dụng thuốc, trở thành mục tiêu chính của chúng tôi.
- Demensia adalah sindrom, ada sekitar 60%-70% adalah penyakit Parkinson, hingga saat ini masih belum ditemukan obat penyembuhnya. Bagaimana cara menunda demensia, pengobatan tanpa obat menjadi fokus utama.



1 多動腦

Exercise the mind

Vận động não nhiều hơn

Banyak menggunakan otak



2 多運動

Keep active

Tập thể thao nhiều hơn

Banyak olahraga

3 健康飲食

Eat healthy

Ăn uống lành mạnh

Makanan yang sehat

4 增加生活網絡

Strengthen social connections

Tăng mạng lưới cuộc sống

Tingkatkan jaringan sosial kehidupan



5 充足睡眠

Good sleep hygiene

Ngủ đủ giấc

Tidur yang cukup



- 6 減少壓力
Reduce stress
Giảm căng thẳng
Kurangi stress

失智症照護兩重點

- 1 學習如何面對家中失智長輩。

Learn how to care for family member with dementia.

Học cách đối mặt với người nhà bị mất trí nhớ.

Pelajari cara menghadapi lansia demensia di rumah.

- 2 讓失智長輩活得有尊嚴。

Preserve dementia patients' dignity.

Giúp họ có cuộc sống tuổi già với sự tôn nghiêm.

Bantu mereka menikmati hidup yang bermartabat.



預防走失

- 佩戴愛心手鍊、具有 GPS 定位功能的手機或手錶等。還有守護 QR code 布標、防水貼紙等防走失小物，布標可以縫紉在衣服、毛巾上，防水貼紙可貼在拐杖、水壺、手機、背包等隨身用品。



There are a few ways to minimize the risk of wandering, such as wearing an ID bracelet, having a cellphone or watch with GPS tracking, QR codes displayed on badges, or waterproof stickers to prevent the patient from missing. Badges can be sewn on clothing or towels. The stickers can be affixed to canes, water bottles, cellphones, backpacks or other belongings.

Đeo vòng tay, đồng hồ hoặc điện thoại có chức năng định vị GPS. Gắn nhãn vải có mã QR code của người giám hộ. Để tránh đi lạc, dùng nhãn dán chống nước, các vật nhỏ, và nhãn vải may lên quần áo, khăn tay. Miếng dán chống nước có thể dán lên cây gậy, bình nước, điện thoại ba lô và các đồ vật khác.

Memakai gelang kasih, ponsel atau jam tangan dengan fungsi GPS. Ada juga kain pelindung QR code, stiker anti air, dan barang kecil pencegah hilang lainnya, label kain yang dijahitkan ke pakaian, dan sapu tangan, stiker anti air dapat ditempel di tongkat, teko, ponsel, dan ransel.

聘僱法令宣導小叮嚀

外籍勞工連續曠職3日失去聯繫，將被廢止聘僱許可並限令出國，不得再於臺灣境內工作；並且外勞於行蹤不明期間，如非法工作者，將被處以新臺幣3萬元以上15萬元以下罰鍰，意即行蹤不明之外籍勞工將隨時有可能被追緝並遣送出國，並不得再以任何理由來臺工作。

Friendly legal reminder

Foreign workers who have been unexplainably absent from work without contact for 3 consecutive days shall have their employment permit revoked, depart the country and not be permitted to work again in the territory of the ROC. Foreign workers whose whereabouts are unclear, if engaged in illegal work, will be subject to a fine of NT\$30,000 to NT\$150,000. In other words, foreign workers whose whereabouts are unclear may be arrested and deported at any time and not permitted to return to the ROC for work.

– Lời nhắc nhở về quy định của Luật tuyển dụng lao động –

Lao động nước ngoài bỏ việc và mất liên lạc trong ba ngày liên tiếp, sẽ bị hủy hợp đồng làm việc, buộc xuất cảnh và không được phép làm việc tại Đài Loan; Nếu là lao động bất hợp pháp, họ sẽ bị phạt 30.000 Đài tệ đến 150.000 Đài tệ, bị trục xuất về nước, và không được vì bất kì lí do nào đến Đài Loan làm việc nữa.

Kiat Hukum Ketenagakerjaan

Pekerja migran yang absen bekerja dan kehilangan kontak selama tiga hari berturut-turut, izin kerjanya akan dihapus dan akan dideportasi serta tidak diizinkan kembali bekerja di Taiwan. Pekerja ilegal akan dikenakan denda antara NTD 30 ribu hingga NTD 150 ribu, dideportasi dan tidak diizinkan kembali bekerja di Taiwan dengan alasan apapun juga.

居家照護技巧暨聘僱法令宣導手冊

發行人：陳瑞嘉

指導單位：新北市政府、勞動部勞動力發展署

出版機關：新北市政府勞工局

服務地址：新北市板橋區中山路 1 段 161 號

服務電話：02-29603456

服務傳真：02-89651058

服務網址：<https://ilabor.ntpc.gov.tw/>

設計印刷：中華電視公司

電話：02-27756789

GPN: 1010801912

ISBN: 978-986-5413-14-9

樣式：平裝

出版年月：108 年 11 月初版

廣告



手冊線上閱讀



影片線上觀看

新北市政府勞工局
就業安定基金補助

諮詢專線 |

英語English (02)8965-9091

越南語Vietnam (02)8965-1044

印尼語Indonesian (02)8965-1014

查察專線 (02)8965-8696

地址 | 新北市板橋區中山路1段161號

外籍勞工24小時諮詢保護專線 1955